TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẠI LỘC** **TỈNH QUẢNG NAM** -------- Số: **215**/2019/HNGĐ-ST Ngày 17/10/2019 V/v:**"***Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI LỘC. TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Văn Phú

+ Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Phụng và ông Võ Nam Phước

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thùy Trang– Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Đại Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày17 tháng 10năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:179/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng7năm 2019về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 30 tháng9năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1975. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn R, sinh năm 1974. Có mặt.

Cùng trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của các đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị T và anh Nguyễn R tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới , có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Namvào năm 1998. Vợ chồng chung sống hòa thuận một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, đã sống ly thân hơn hai tháng nay.

Chị T xét thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

R đồng ý với lời trình bày của chị T về thời gian, địa điểm kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn R cũng thừa nhận là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cải vả nhau, mất lòng tin với nhau. Ban đầu anh không muốn ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến con, nhưng nay chị T cương quyết xin ly hôn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung: Chị T và R cùng khai nhận vợ chồng có 02 con chung, tên là

Nguyễn Thị N, sinh ngày 30/10/1198 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 10/3/2006. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Hoàng B và không yêu cầu R cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị N đã đủ tuổi trưởng thành, cháu thích sống với ai thì tùy cháu, không yêu cầu Tòa can thiệp. R đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng B cho chị T nuôi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và R không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc phát biểu quan điểm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận cho chịT được ly hôn với anhRi.

- Quan hệ con chung: Để đảm B quyền lợi và sự phát triển ổn định cho con, đề nghị HĐXX giao cháu Nguyễn Hoàng B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Chị T không yêu cầu anhRi cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập.

- Quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh R không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Lộc và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị T và R xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào năm 1998, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét tình trạng quan hệ hôn nhân của chị T và R thì thấy, trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, sống ly thân đã hơn hai tháng nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với R.

[2] Về con chung:Vợ chồng có 02 con chung, tên là Nguyễn Thị N, sinh ngày 30/10/1198 và Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 10/3/2006. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Hoàng B và không yêu cầu R cấp dưỡng nuôi con. R đồng ý giao cháu Nguyễn Hoàng B cho chị T nuôi. Cháu Nguyễn Thị N đã đủ tuổi trưởng thành và khỏe mạnh nên vợ chồng không yêu cầu người trực tiếp nuôi sau khi ly hôn.

Do đó, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình,nguyện vọng của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng B, R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai có quyền cản trở. Chị Nguyệt không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.Khi có lý do chính đáng, đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và R không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm

thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Tphải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 27, Điều 147 BLTTDS; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của Chị Huỳnh Thị T

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Nguyễn R.

2.Về quan hệ con chung:Giao con chung Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 10/3/2006 cho chị Huỳnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn R có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng chị Huỳnh Thị Tphải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003315 ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Lộc.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh QN;
- VKSND huyện Đại Lộc;
- UBND xã Q, Đại Lộc;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Phú